

Bản án số: 38/2018/HS-PT

Ngày: 24/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Phạm Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án tỉnh Hải dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn V. Do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án số 02/2018/HS-ST ngày 01/02/2018 của TAND huyện N.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Nguyễn Văn V, sinh năm 1990 tại huyện N, Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị G; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 09/6/2017, Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại kháng cáo:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương

**** Những người làm chứng:*** Ông Bùi Văn S, sinh năm 1953; Bà Bùi Thị G, sinh năm 1971; Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994. Điều trú quán: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bức tức với chị Nguyễn Thị Y (là em gái) và ông Nguyễn Văn A (là bố dượng). Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/9/2017, Nguyễn Văn V chạy vào bếp ăn của gia đình lấy một chiếc kéo sắt đuôi đánh ông a và chị Y. Sau khi ném chiếc kéo vào đầu chị Y, V quay về nhà lấy một đoạn tuýp bằng kim loại màu trắng hình

tròn có đường kính 1.5cm, dài 1.3m, một đầu bịt bằng dính màu trắng, một đầu bịt bằng dính màu xanh tiếp tục đuổi theo ông A nhưng không đuổi được nên cầm gậy đi về nhà. Trên đường về, V nhìn thấy bà Nguyễn Thị T đang đứng trước cửa nhà. Dù không có mâu thuẫn với bà T nhưng do bức tức, V dùng tay phải cầm đoạn tuýp giơ lên cao vụt từ phải qua trái vào cổ tay trái bà T. Sau khi vụt bà T, V đi ra ngoài đường thì ông Bùi Văn S (chồng bà T) chạy từ dưới nhà lên và nói "Sao mày đánh bà T", V liền dùng chân phải đạp một cái vào người bà T làm bà T ngã ra. Sau đó, V bỏ về nhà còn bà T được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương điều trị. Kết luận giám định về thương tích số 110/TgT ngày 23/10/2017 của phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa Hải Dương kết luận bà T bị chấn thương gây gãy đầu dưới xương quay trái. Tỷ lệ thương tích 14%.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận hành vi như nêu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn nhận tội; người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng và xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân (Viết tắt: TAND) huyện N: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (Viết tắt: BLHS) năm 2015; Điều 48 BLHS; Điều 590, Điều 357 Bộ luật Dân sự (Viết tắt: BLDS): Phạt Nguyễn Văn V 27 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Về dân sự, buộc V phải bồi thường cho bà T 45.710.800 đồng về các khoản: Chi phí điều trị tại bệnh viện = 22.456.800 đồng; tiền thuê xe đi điều trị = 1.000.000 đồng; tiền ngày công không lao động được = 4.680.000 đồng, công người chăm sóc = 2.574.000 đồng; tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe = 5.000.000 đồng và bù đắp tổn thất về tinh thần = 10.000.000 đồng. Bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/02/2018, bà T kháng cáo bản án: Đề nghị tăng hình phạt với bị cáo V; tăng bồi thường tổn thất tinh thần; không đồng ý tính giá trị ngày công không lao động được của ông bà như những người lao động bình thường khác tại địa phương vì ông bà là người kinh doanh (*khắc bia đá, đại lý sành sứ, nhôm, nhựa*); cộng không đúng các khoản chi phí có hóa đơn, chứng từ tại bệnh viện (*theo bà là 25.178.000 đồng, chứ không phải 23.000.000 đồng như bản án ghi*).

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận như tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Người bị hại trình bày và giữ nguyên nội dung kháng cáo, trong đó phần dân sự có khoản lệ phí giám định thương tích 1.900.000 đồng có hóa đơn đã nộp cho cơ quan điều tra, đề nghị Tòa án chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu luận tội, đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo V. Về trách nhiệm dân sự: Phân tích đánh giá các tài liệu liên quan đến bồi thường dân sự, đề nghị giữ nguyên các khoản phải bồi thường và mức bồi thường như bản án

sơ thẩm đã tuyên. Liên quan đến khoản tiền giám định như người bị hại khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án chấp nhận vì đó là chi phí thực tế, phù hợp pháp luật. Đề nghị sửa bản án về phần dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt: BLTTHS) trong việc điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trình bày của bị cáo V phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/9/2017, Nguyễn Văn V có hành vi dùng đoạn tuýp kim loại, đường kính 1.5cm, dài 1.3m đánh vào cổ tay trái bà Nguyễn Thị T. Hậu quả bà T bị gãy đầu dưới xương quay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể 14%. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội cố ý gây thương tích. Bị cáo vô cớ, dùng tuýp sắt (là hung khí nguy hiểm) đánh gây thương tích cho bà T là thể hiện tính côn đồ nên phải chịu hai tình tiết định khung tăng nặng theo khoản 2 Điều 104 BLHS như đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã so sánh hình phạt theo khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 và khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 để áp dụng quy định có lợi cho bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của Người bị hại, HĐXX thấy rằng:

- Đối với kháng cáo liên quan đến hình phạt: Bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy đã bị xử phạt vi phạm hành chính chưa được xóa tiền sự lại vô cớ xâm hại sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an và gây tâm lý không tốt trong quần chúng nhân dân nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm. Xét quá trình điều tra và tại các phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích đối với người bị hại là 14% và bị xét xử theo khoản 2 Điều 134 BLHS được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS. Bản án sơ thẩm đã nhận định và quyết định hình phạt 27 tháng tù là phù hợp và không nhẹ. Vì thế, không có căn cứ tăng hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của người bị hại.

- Đối với kháng cáo liên quan đến bồi thường dân sự: Bà T điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương 22 ngày, các chi phí hợp lệ gồm 12 hóa đơn với số tiền 22.986.800 đồng; không hợp lệ 04 hóa đơn với số tiền 698.000 đồng; bản án

sơ thẩm chấp nhận chi phí hợp lệ bằng 22.456.800 đồng là thiếu 530.000 đồng nên cấp phúc thẩm tính lại cho đúng. Liên quan đến chi phí giám định, bà T khai tại phiên tòa với số tiền 1.900.000 đồng có hóa đơn và đã nộp cho Cơ quan điều tra. Tài liệu trong hồ sơ không thể hiện nhưng xét đó là chi phí thực tế hợp lý nên chấp nhận như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Liên quan đến xác định ngày công không lao động được: Bà T yêu cầu tính giá trị ngày công không lao động được của vợ chồng bà là 300.000 đồng/ngày. Nhưng tài liệu xác minh có trong hồ sơ thì thu nhập bình quân của người dân địa phương ở mức 117.000 đồng/ngày. Bản án sơ thẩm chấp nhận mức thu nhập bình quân 117.000 đồng/ngày là có căn cứ. Về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, theo quy định của Bộ luật dân sự (Viết tắt: BLDS) thì mức bồi thường tổn thất tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị xâm hại không quá 50 tháng lương cơ sở. Tuy nhiên, căn cứ vào hậu quả tội phạm cũng như hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường mức 10.000.000 đồng là phù hợp. Mặt khác, trong phần tranh luận, bà T chấp nhận như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa (*đồng ý xác định giá trị ngày công lao động và bồi thường tổn thất tinh thần như bản án sơ thẩm đã tuyên*). Nên tổng số tiền bồi thường như đã phân tích, cộng lại phải bằng 48.140.800 đồng. Như vậy, kháng cáo của người bị hại liên quan đến bồi thường dân sự được chấp nhận một phần. Nên cấp phúc thẩm sửa bản án đồng thời tính lại án phí dân sự cho phù hợp.

[4]. Bị cáo không thuộc trường hợp được hoãn thi hành án theo quy định tại Điều 67 BLHS nên cần bắt tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 347 BLTTHS để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

[5]. Án phí: Bà T kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 357 BLTTHS;

Không chấp nhận kháng cáo của Người bị hại liên quan đến yêu cầu tăng hình phạt; chấp nhận một phần kháng cáo của Người bị hại liên quan đến bồi thường dân sự: Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 01/02/2018 của TAND huyện N về phần hình phạt đối với bị cáo V; sửa bản án về phần bồi thường dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 134, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS: Phạt Nguyễn Văn V 27 (*hai mươi bảy*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (24/4/2018).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 590, Điều 357 BLDS: Buộc Nguyễn Văn V phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T 48.141.000 đồng (làm tròn), gồm: Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện = 22.986.800 đồng; tiền thuê xe đi điều trị = 1.000.000 đồng; tiền mất thu nhập ngày công lao động = 4.680.000 đồng; tiền công người chăm sóc = 2.574.000 đồng; tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe = 5.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần = 10.000.000 đồng và 1.900.000 đồng phí giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

- Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 2.408.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (24/4/2017).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường

